

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐQ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST
Ngày: 07/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐQ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Hà**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Quy**

2. Ông **Sấm Đất Phấn**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn T** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện ĐQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐQ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 117/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Tấn Đ - Sinh năm 1988, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn Ôi - sinh năm 1962 và bà Võ Thị Sáu - sinh năm 1967; Vợ: Ngô Thị Cẩm Thu - sinh năm 1986; Con: 01 người sinh năm 2009; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

2. Nguyễn Trung T - Sinh năm 1990, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Suối RU, xã Phú Túc, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tuyên (đã chết) và bà Dương Thị Kíu (đã chết); Vợ, con: Chưa; Tiền sự: Không; Tiền án: Tại bản án số 121/2017/HSST ngày 29/11/2017 bị Toà án nhân dân huyện ĐQ xử phạt 14.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt; Nhân thân: Ngày 27/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện ĐQ xử phạt 5 tháng 19 ngày tù về tội Trộm cắp T sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đương nhiên được xóa án tích; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

3. Trần Trung T - Sinh năm 1985, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Phú Ngọc, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Làm hội chợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Trung T - sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị Minh (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị H Hạnh - sinh năm 1996; Con: 02

người, lớn sinh năm: 2015, nhỏ sinh năm: 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 21/2006/HSST ngày 23/6/2006 bị Tòa án nhân dân huyện ĐQ xử phạt tù 06 tháng về tội “Trộm cắp T sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/8/2006 và thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

4. Đỗ T T - Sinh năm 1984, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 3, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Nghè - sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Nguyên - sinh năm 1961; Vợ: Võ Thị Vân Kiều - sinh năm 1989; Con: 01 người sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

5. Nguyễn Thị Kim O - Sinh năm 1971, tại T phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Chiến (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim Yến (đã chết); CH: Không có; Con: 01 người sinh năm 1990; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

6. Trần Xuân M - Sinh năm: 1963, tại Bình Dương.

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Dịp (đã chết) và bà Trần Thị Anh (đã chết); Vợ: Phùng Thị Ba - sinh năm 1966; Con: 02 người, lớn sinh năm: 1989, nhỏ sinh năm: 1992; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

7. Nguyễn Thị Thanh H - Sinh năm 1968, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 3, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; giới tính: N; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn U (đã chết) và bà Dương Thị Thanh T (đã chết); CH: Không có; Con: 02 người, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (Có mặt).

8. Nguyễn Văn H - Sinh năm 1981, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Thống Nhất, xã Phú Cường, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;

Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Châu (đã chết) và bà Phạm Thị Thúy - sinh năm 1960; Vợ, con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

9. Nguyễn Ngân Ngọc N - Sinh năm 1985 , tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Thống Nhất, xã Phú Cường, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N;
Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh Bình - sinh năm 1964 và bà Trần Thị Nga - 1964; CH, con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

10. Nguyễn Thị U - Sinh năm 1978, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 3, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Bia (đã chết) và bà Nguyễn Thị Bảy (đã chết); CH: Không có; Con: 01 người sinh năm 1993; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (Có mặt).

11. Nguyễn Văn Th - Sinh năm 1993, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Suối Nho, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Vượng - sinh năm 1950 và bà M Thị Huệ - sinh năm 1954; Vợ, con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 04/5/2018, bị bắt tạm giam lại ngày 18/02/2019 (có mặt).

12. Trà Anh Q - Sinh năm 1996, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Đồng, xã Phước Tân, T phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Làm hội chợ; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trà Văn Liên - sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị U - sinh năm 1968; Vợ, con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 18/5/2018, bị bắt tạm giam lại ngày 18/02/2019 (có mặt).

13. Lê Thị Tr - Sinh năm 1981, tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp Tam Bung, xã Phú Cường, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai;
Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Nhạc - sinh năm 1960 và bà Trần Thị Hương - sinh năm 1961; CH: Nguyễn Công T - sinh năm 1974; Con: 02 người, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 1998; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 13/4/2018, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 19/4/2018 (có mặt).

Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn L - sinh năm: 1969.

Nơi cư trú: Ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2. Anh Võ Thanh Nhã - sinh năm: 1973.

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

3. Chị Vũ Thị Ngọc Dịu - sinh năm: 1987.

Nơi cư trú: Ấp Hòa Bình, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 ngày 13/4/2018, Công an huyện ĐQ bắt quả tang 13 đối tượng gồm: Huỳnh Tấn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Thị Kim O, Lê Thị Tr, Nguyễn Ngân Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh H, Trần Trung T, Trần Xuân M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị U, Đỗ T T, Trà Anh Q, Nguyễn Văn H, Võ Thanh Nhã, Trương Văn L đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài “Xi Dzách” thắng thua bằng tiền tại phòng số 11 - Nhà nghỉ “Đà Lạt” do chị Vũ Thị Ngọc Dịu làm chủ, thuộc ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 12/04/2017, Đ, L, T và T nhậu tại quán “Ba Mi” thuộc ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung. Trong quá trình nhậu các đối tượng rủ nhau đi đánh bạc ăn tiền, sau đó Đ đã đến thuê nhà nghỉ “Đà Lạt” ở ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung do chị Vũ Thị Ngọc Dịu - sinh năm 1987 làm chủ để đánh bạc bằng hình thức chơi bài “Xi Dzách”. Bắt đầu đánh bạc, Đ có nhờ L mua 08 bộ T tây loại bài 52 lá, sau đó thì có O, M, N, H, H, Q, T, U, Nhã, Th, Tr đến để nhậu và đánh bạc tại phòng số 12 của nhà nghỉ “Đà Lạt”, nhưng do đông người nên các đối tượng đổi sang phòng số 11 để tiếp tục chơi đánh bạc.

Hình thức đánh bạc như sau: Các đối tượng sử dụng bộ bài tây gồm 52 lá bài. Quy định 01 người làm cái 03 ván sau đó xoay tua cho người tiếp theo, người nào không làm cái hoặc không có khả năng làm cái thì chuyển qua cho người kế tiếp. Người làm cái sẽ chia đều cho mỗi người 02 lá bài, quy định nếu tổng số điểm Đ từ 16 đến 21 là đủ, tùy các con bạc có muốn rU tiếp bài hay không nhưng không được rU quá 03 lá bài (tổng cộng 05 lá bài). Lá bài từ “10” đến “K” (già) được tính 10 điểm, lá bài “Át” (xì) có thể tính 10 hoặc 11 điểm, các lá bài còn lại được tính điểm trên từng lá bài ghi số sẵn. Bài có số điểm lớn nhất là “Xi bàn” (gồm có 02 lá át), thứ hai là “Xi dất” gồm có 01 lá át kèm theo một lá bài bất kì từ lá “10” đến lá “K” (già), tiếp đến là “Ngũ linh” (gồm tổng số điểm của 05 lá bài cộng lại không quá 21 điểm) và “21 điểm” (tổng điểm của các lá bài từ 02 lá đến dưới 05 lá). Đối với người làm cái cộng 02 lá bài từ đủ 15 điểm được Q xét bất kỳ các tụ bài nào của con bạc, nếu thắng người làm cái được lấy toàn bộ số tiền đặt cược của con bạc, nếu thua người làm cái phải bỏ ra số tiền bằng với số tiền con bạc đã đặt cược, nếu điểm của người làm cái và con bạc bằng nhau thì không thắng, không thua. Các đối tượng thống nhất số tiền đặt cược cho mỗi ván bài từ 50.000đ đến 200.000đ.

Khi tham gia đánh bạc, Đ mang theo số tiền 5.000.000đ để đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài từ 50.000đ đến 100.000đ và xoay tua làm cái cho đến khi bị bắt, Đ thua với số tiền là 2.260.000đ, thu giữ trên người Đ số tiền 2.740.000đ.

Nguyễn Trung T mang theo số tiền là: 434.000đ để đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài từ 20.000đ đến 50.000đ, T không làm cái chỉ tham gia đánh bạc cho đến khi bị bắt T thua hết số tiền 400.000đ, thu giữ trên người T 34.000đ.

Nguyễn Thị Kim O mang theo số tiền là 250.000đ để đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài từ 50.000đ đến 100.000đ, O tham gia đánh bạc khi thua hết số tiền mang theo, O ngồi xem cho đến khi bị bắt.

Lê Thị Tr mang theo số tiền là 3.400.000đ để đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài là 30.000đ và xoay tua làm cái (03 ván) cho đến khi bị bắt, Tr thua hết số tiền là 1.300.000đ.

Nguyễn Ngân Ngọc N mang theo số tiền 800.000đ để tham gia đánh bạc, khi tham gia đánh bạc, N đặt cược mỗi ván bài từ 50.000đ đến 100.000đ cho đến khi bị bắt N thua hết số tiền mang theo.

Nguyễn Thị Thanh H mang theo số tiền là: 430.000đ để đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài từ 20.000đ đến 30.000đ, tham gia đánh bạc cho đến khi bị bắt, H thua số tiền là 130.000đ, thu giữ trên người H số tiền là 300.000đ.

Trần Trung T mang theo số tiền là: 3.214.000đ để tham gia đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài là 100.000đ và xoay tua làm cái (03 ván) cho đến khi bị bắt, T thua hết số tiền là 1.000.000đ, thu giữ trong người T số tiền là 214.000đ.

Trần Xuân M mang theo số tiền 1.400.000đ để đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài là 50.000đ, trong quá trình tham gia đánh bạc M không thắng cũng không thua cho đến khi bị bắt, thu giữ trong người M số tiền là 1.400.000đ.

Nguyễn Văn Th mang theo số tiền là 2.000.000đ để tham gia đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài từ 50.000đ đến 70.000đ và xoay tua làm cái (06 ván) cho đến khi bị bắt Th thua hết số tiền trên.

Nguyễn Thị U mang theo số tiền là 800.000đ để đánh bạc, đặt cược mỗi ván bài là 50.000đ, khi tham gia đánh bạc, U thua hết số tiền mang theo.

Đỗ T T mang theo số tiền là: 3.700.000đ để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc T là người làm cái đầu tiên và đặt cược mỗi ván bài từ 50.000đ đến 200.000đ, xoay tua làm cái cho đến khi bị bắt T thua hết số tiền trên.

Trà Anh Q mang theo số tiền là: 1.700.000đ, sử dụng số tiền 1.400.000đ để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc Q không làm cái và đặt cược cho mỗi ván bài từ 100.000đ đến 200.000đ cho đến khi bị bắt Q thua hết số tiền là 400.000đ, thu giữ trên người Q số tiền là 1.000.000đ.

Nguyễn Văn H mang theo số tiền là: 670.000đ để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc H không làm cái và đặt cược cho mỗi ván bài là 50.000đ, cho đến khi bị bắt H thắng được số tiền là 300.000đ, thu giữ trong người H số tiền là 970.000đ.

Trong quá trình đánh bạc không người nào bỏ tiền sâu, ngoài ra, số tiền các đối tượng tự thỏa thuận mỗi người bỏ ra số tiền từ 50.000đ đến 100.000đ để thuê phòng, mua bia, nước và đồ ăn.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện ĐQ các bị cáo Huỳnh Tấn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Thị Kim O, Lê Thị Tr, Nguyễn Ngân Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh H, Trần Trung T, Trần Xuân M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị U, Đỗ T T, Trà Anh Q và Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: Tiền mặt thu giữ trên CH bạc: 14.300.000đ, tiền mặt thu trong người các bị cáo: 6.658.000đ; 03 bộ bài tây đã qua sử dụng; 05 bộ bài tây chưa qua sử dụng; 06 xe mô tô và 13 điện thoại di động các loại.

Tại cáo trạng số 98/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐQ đã truy tố các bị cáo Huỳnh Tấn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Thị Kim O, Lê Thị Tr, Nguyễn Ngân Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh H, Trần Trung T, Trần Xuân M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị U, Đỗ T T, Trà Anh Q và Nguyễn Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐQ tham gia phiên tòa trình bày luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt và các vấn đề khác như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo: Nguyễn Trung T từ 05 đến 06 tháng tù giam.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trung T từ 04 đến 05 tháng tù. Tuy nhiên, qua phần tranh luận tại phiên tòa xét thấy bị cáo có 02 con nhỏ và là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ và quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn Th 03 đến 04 tháng tù giam, Trà Anh Q từ 03 đến 04 tháng tù giam.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 35; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Huỳnh Tấn Đ 40.000.000đ - 45.000.000đ.

- Đỗ T T 35.000.000đ - 40.000.000đ.

- Lê Thị Tr 30.000.000đ - 35.000.000đ.

- Trần Xuân M 25.000.000đ - 30.000.000đ.

- Nguyễn Ngân Ngọc N 20.000.000đ - 25.000.000đ.

- Nguyễn Thị U 20.000.000đ - 25.000.000đ.

- Nguyễn Văn H 20.000.000đ - 25.000.000đ.

- Nguyễn Thị Thanh H 20.000.000đ - 25.000.000đ.

- Nguyễn Thị Kim O 20.000.000đ - 25.000.000đ.

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là: 20.958.000đ (Trong đó tiền mặt thu giữ trên CH bạc: 14.300.000đ; Tiền mặt thu trong người các đối tượng: 6.658.000đ). Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy: 03 bộ bài tây đã qua sử dụng và 05 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

- Đối với 13 điện thoại di động các loại, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo là có căn cứ.

- 04 xe mô tô, gồm: 01 xe mô tô biển số 60Y6 - 4386; 01 xe mô tô biển số 60B4 - 564.75; 01 xe mô tô biển số 60H7 - 7443; 01 xe mô tô biển số 60B4 - 320.54. Quá trình điều tra xác định các đối tượng không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp và có căn cứ nên không xét.

- 02 xe mô tô biển số 60S6 - 4967 của Trương Văn L và xe mô tô biển số 60S1 - 8419 của Huỳnh Tấn Đ, hiện chưa xác minh được chủ sở hữu và xe đã bị mất giấy đăng ký nên tách ra khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Đối với 02 đối tượng Võ Thanh Nhã và Trương Văn L không tham gia đánh bạc nhưng có hành vi che dấu việc đánh bạc trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện ĐQ đã ra Quyết định xử phạt hành chính là có cơ sở nên không xét.

Đối với chị Vũ Thị Ngọc Dịu - chủ nhà nghỉ “Đà Lạt”, do không biết các đối tượng thuê phòng để đánh bạc nên Công an huyện ĐQ không xử lý về hành vi đánh bạc với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, khi các đối tượng thuê phòng, chị Dịu không cho đăng ký lưu trú nên Công an huyện ĐQ đã ra Quyết định xử phạt hành chính là có cơ sở nên không xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo thống nhất về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo và không có ý kiến hay tranh luận gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

[2] Về tính hợp pháp những chứng cứ, T liệu có trong hồ sơ và những người tham gia tố tụng cung cấp: Những chứng cứ, T liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là hợp pháp. Những T liệu, chứng cứ do các bị cáo cung cấp là hợp pháp.

[3] Căn cứ để kết tội đối với các bị cáo:

Căn cứ vào sự thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với các tình tiết và vật chứng trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung thể hiện: Vào khoảng 21 giờ ngày 12/6/2018, tại nhà nghỉ “Đà Lạt” thuộc ấp Đồn Điền 1, xã Túc Trung, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai; các bị cáo Huỳnh Tấn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Thị Kim O, Lê Thị Tr, Nguyễn Ngân Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh H, Trần Trung T, Trần Xuân M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị U, Đỗ T T, Trà Anh Q và Nguyễn Văn H đã có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài “Xì Dzách”. Đánh bạc đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/4/2018 thì bị Công an bắt quả tang. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 20.958.000đ.

Như vậy, có căn cứ để kết tội các bị cáo và kết luận: Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau: Xét thấy, trong thời gian qua tình hình tội phạm đánh bạc trên địa bàn diễn biến hết sức phức tạp, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây ra nhiều hệ lụy khác từ tệ cờ bạc, khiến tình hình dư luận tại địa phương gay gắt về tệ nạn cờ bạc. Việc đưa ra xét xử và tuyên cho các bị cáo một hình phạt là việc làm cần thiết vừa để trừng phạt các bị cáo vừa để răn đe phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, cân nhắc xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng mà có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Các bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có trình độ học vấn thấp nên có phần hạn chế nhận thức về pháp luật; hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn; các bị cáo O, H, N, U và Tr là phụ N. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s của khoản 1 và khoản 2

Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trừ bị cáo T không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự do bị cáo tái phạm.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đ là người khởi xướng việc đánh bạc và các bị cáo khác hưởng ứng theo, nhưng cũng phải đánh giá tính chất vai trò và số tiền tham gia đánh bạc của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo như sau:

Phân hình phạt tù:

Đối với Nguyễn Trung T mang theo số tiền 434.000đ để đánh bạc, số tiền tham gia đánh bạc thấp so với các đồng phạm, nhưng bị cáo đã có tiền án về tội “đánh bạc” chưa được xóa án tích và nhân thân xấu, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo phải là hình phạt tù có thời hạn và cao nhất so với đồng phạm.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Th tham gia đánh bạc với số tiền 2.000.000đ, Trà Anh Q tham gia đánh bạc với số tiền 1.700.000đ, số tiền bị cáo Th lớn thứ năm và số tiền bị cáo Q lớn thứ sáu trong vụ án, nhưng sau khi được áp dụng biện pháp “Bảo lĩnh” ngày 19/4/2018, sau đó bị cáo trốn tránh dẫn đến phải hoãn phiên tòa và bị bắt lại vào ngày 18/02/2019 theo Quyết định bắt, tạm giam số 11/2019/HSST-QĐBTG ngày 15/02/2019 và Quyết định bắt, tạm giam số 12/2019/HSST-QĐBTG ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐQ. Vì vậy, việc áp dụng các biện pháp giáo dục khác không phải là hình phạt tù sẽ không đảm bảo được việc thi hành án và không có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung, nên hình phạt áp dụng đối với các bị cáo ngang nhau và thấp hơn bị cáo T, nhưng cao hơn các đồng phạm còn lại.

Phân hình phạt tiền:

Đối với bị cáo Huỳnh Tấn Đ mang theo số tiền 5.000.000đ để đánh bạc, số tiền bị cáo tham gia đánh bạc là nhiều nhất so với các đồng phạm; bị cáo Đỗ T T có vị trí thứ hai vì tham gia đánh bạc với số tiền 3.700.000đ, bị cáo Lê Thị Tr có vị trí thứ ba trong vụ án vì tham gia đánh bạc với số tiền 3.400.000đ; bị cáo Trần Trung T tham gia đánh bạc với số tiền 3.214.000đ, có vị trí thứ tư trong vụ án; bị cáo Trần Xuân M có vị trí thứ bảy trong vụ án vì tham gia đánh bạc với số tiền 1.400.000đ; bị cáo Nguyễn Ngân Ngọc N và Nguyễn Thị U có vị trí thứ tám trong vụ án vì tham gia đánh bạc với số tiền ngang nhau là 800.000đ; bị cáo Nguyễn Văn H tham gia đánh bạc với số tiền 670.000đ đứng vị trí thứ mười, Nguyễn Thị Thanh H tham gia đánh bạc với số tiền 430.000đ đứng vị trí thứ mười một và Nguyễn Thị Kim O tham gia đánh bạc với số tiền 250.000đ thấp nhất trong vụ án. Đối với các bị cáo Đ, T, Tr, M, U, N, H, H và O đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đối với bị cáo T có nhân thân xấu nhưng đã được xóa án tích bị cáo hiện có hai con nhỏ, là lao động chính và việc tham gia đánh bạc là chỉ bộc phát nhất thời nên Hội đồng xét xử cân nhắc không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Vì vậy, mức hình phạt tiền áp dụng đối với bị cáo Đ là cao nhất và giảm dần đến bị cáo T, Tr, T, M và hạ xuống đến các bị cáo còn lại có mức hình phạt ngang nhau gồm N, U, H, H và O. Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ theo vị trí và số tiền tham gia đánh bạc, nhân thân hoàn cảnh gia đình của các bị cáo mà lượng hình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, căn cứ vào nhân thân của bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Có căn cứ đối với bị cáo Nguyễn Trung T tiếp tục phạm tội, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải bắt tạm giam bị cáo sau khi tuyên án.

[5] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

- Tiền mặt thu giữ trên CH bạc: 14.300.000đ; Tiền mặt thu trong người các đối tượng: 6.658.000đ. Căn cứ Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì tổng số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc là: 20.958.000đ. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 03 bộ bài tây đã qua sử dụng và 05 bộ bài tây chưa qua sử dụng, xét thấy không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 13 điện thoại di động, gồm: 01 ĐTDĐ hiệu Nokia của Võ Thanh Nhã; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia của Huỳnh Tấn Đ; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5 và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia của Đỗ T T; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone và 01 ĐTDĐ hiệu Nokia và 01 bóp da của Trần Trung T; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung của Nguyễn Văn H; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung và 01 ĐTDĐ hiệu Oppo của Nguyễn Văn Th; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung của Nguyễn Thị Kim O; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone của Nguyễn Ngân Ngọc N và 02 ĐTDĐ hiệu Nokia của Nguyễn Trung T. Quá trình điều tra xác định các đối tượng không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ nên không xét.

- 04 xe mô tô, gồm: 01 xe mô tô biển số 60Y6 - 4386; 01 xe mô tô biển số 60B4 - 564.75; 01 xe mô tô biển số 60H7 - 7443; 01 xe mô tô biển số 60B4 - 320.54. Quá trình điều tra xác định các đối tượng không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp và có căn cứ nên không xét.

- 02 xe mô tô biển số 60S6 - 4967 của Trương Văn L và xe mô tô biển số 60S1 - 8419 của Huỳnh Tấn Đ, hiện chưa xác minh được chủ sở hữu và xe đã bị mất giấy đăng ký nên tách ra khi nào xác minh được sẽ xử lý sau.

Đối với 02 đối tượng Võ Thanh Nhã và Trương Văn L không tham gia đánh bạc nhưng có hành vi che dấu việc đánh bạc trái phép nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, nên Công an huyện ĐQ đã ra Quyết định xử phạt hành chính là có cơ sở nên không xét.

Đối với chị Vũ Thị Ngọc Dịu - chủ nhà nghỉ “Đà Lạt”, do không biết các đối tượng thuê phòng để đánh bạc nên Công an huyện ĐQ không xử lý về hành vi đánh bạc với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, khi các đối tượng thuê phòng, chị Dịu không cho đăng ký lưu trú nên Công an huyện ĐQ đã ra Quyết định xử phạt hành chính là có cơ sở nên không xét.

[6] Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, được miễn hình phạt.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐQ, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐQ, Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng

Điều 54 đối với bị cáo Nguyễn Trung T là không phù hợp vì bị cáo tái phạm nên Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 đối với bị cáo T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Tấn Đ, Nguyễn Trung T, Nguyễn Thị Kim O, Lê Thị Tr, Nguyễn Ngân Ngọc N, Nguyễn Thị Thanh H, Trần Trung T, Trần Xuân M, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Thị U, Đỗ T T, Trà Anh Q và Nguyễn Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; khoản 2 Điều 329; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h Điều 52, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt: **Nguyễn Trung T 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2019 (được trừ đi những ngày bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2018 đến ngày 19/4/2018).

Tuyên bố bắt tạm giam các bị cáo Nguyễn Trung T sau khi tuyên án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt: **Nguyễn Văn Th 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2019 (được trừ đi những ngày bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2018 đến ngày 04/5/2018).

- Xử phạt: **Trà Anh Q 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2019 (được trừ đi những ngày bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2018 đến ngày 18/5/2018).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt: **Huỳnh Tấn Đ 40.000.000đ** (Bốn mươi triệu đồng).

- Xử phạt: **Đỗ T T 35.000.000đ** (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt: **Lê Thị Tr 30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt: **Trần Trung T 30.000.000đ** (Ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt: **Trần Xuân M 25.000.000đ** (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt: **Nguyễn Ngân Ngọc N 20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt: **Nguyễn Thị U 20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt: **Nguyễn Văn H 20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt: **Nguyễn Thị Thanh H 20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt: **Nguyễn Thị Kim O 20.000.000đ** (Hai mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.958.000đ (Hai mươi triệu chín trăm năm mươi tám ngàn đồng).

+ Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây đã qua sử dụng, 05 bộ bài tây chưa qua sử dụng.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐQ theo biên bản giao nhận vật chứng, T sản ngày 17/12/2018 và biên lai thu tiền số 0002752 ngày 17/12/2018).

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về Q kháng cáo: Các bị cáo có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được Q kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến Q lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Quy

Sầm Dất Phấn

Phan Thanh Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện ĐQ;
- Công an huyện ĐQ;
- Chi cục THA DS huyện ĐQ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Hà

